TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **4B**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-03-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Văn Lầu.**
2. Bà **Nguyễn Xuân Hoàng**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông NĐ, sinh năm 1979. Địa chỉ: tỉnh Sóc Trăng(có mặt).

- Bị đơn: Bà BĐ, sinh năm 1973. Địa chỉ: USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông NĐ trình bày:

Vào năm 2006 qua người quen giới thiệu, ông quen biết với bà BĐ. Sau một thời gian tìm hiểu, hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục ngày 11/9/2006 và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 72 quyển sổ 01 ngày 23/02/2007. Sau khi kết hôn thì bà BĐ ở Việt Nam một thời gian ngắn rồi trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, hai người cũng thường xuyên liên lạc. Nhưng thời gian sau thì giữa hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và do ở xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, kể từ ngày 01/01/2014 thì hai người không còn liên lạc cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc giữa ông và bà BĐ là không đạt được, tình cảm giữa hai người đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau. Hơn nữa, bà BĐ ở Hoa Kỳ, còn ông ở Việt Nam nên không có điều kiện đoàn tụ gia đình để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà BĐ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông NĐ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Bà BĐ là người Việt Nam và sinh sống tại Hoa Kỳ, có địa chỉ rõ ràng. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho BĐ vào ngày 30/5/2018 để BĐ xác nhận một số vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Thống. Đến ngày ngày 06/09/2018 Bộ Tư pháp đã có văn bản số 2860/BTP-PLQT, thông báo đã tống đạt trực tiếp hồ sơ nêu trên cho BĐ nhưng đến nay BĐ vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, NĐ yêu cầu giải quyết vắng mặt BĐ.Nhận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ hai và BĐ vẫn vắng mặt không rõ lý do, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà BĐ.

* Về nội dung:

[2] Vào ngày 12/12/2006 ông NĐ và bà BĐ kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 72 quyển số 01 ngày 23/02/2007. Sau khi kết hôn thì BĐ sống cùng NĐ ở Việt Nam một thời gian rồi trở về Hoa Kỳ. Do thời gian tìm hiểu nhau quá ngắn nên sau khi kết hôn hai người có nhiều bất đồng trong cuộc sống do tính cách không hợp và vợ chồng xa nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm ngày càng phai nhạt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên NĐ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với BĐ.Về con chung,tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ông NĐ và bà BĐ đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa NĐ và BĐ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi sống chung một thời gian thì BĐ trở về Hoa Kỳ, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và khoảng cách địa lý làm tình cảm ngày càng phai nhạt. Từ năm 2014 đến nay thì ông bà không còn liên lạc với nhau nữa. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay NĐ ở Việt Nam, còn BĐ ở Hoa Kỳ, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của NĐ xin được ly hôn với BĐ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho ông NĐ được ly hôn với bà BĐ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí Ủy thác tư pháp tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn bà BĐ là 95 đô la Mỹ, NĐ tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[6] Về án phí sơ thẩm: ông NĐ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ:

- Về hôn nhân: Ông NĐ được ly hôn với bà BĐ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2. Chi Phí tố tụng: Chi phí Ủy thác tư pháp 95 đô la Mỹ NĐ tự nguyện chịu. NĐ đã thực hiện xong.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông NĐ phải chịu là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0001572, ngày 08/03/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; NĐ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tt P;
- Lưu HSVA-TDS.

Nguyễn Văn Dũ